

PHỤ LỤC. PHẠM VI CUNG CẤP VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT
(Đính kèm Thư mời chào giá số /ĐHYD-HC ngày tháng năm 2025)

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Đường dùng, Dạng bào chế, Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
1	Stacytine 200mg CAP	Acetylcystein	200 mg	Uống; Viên nang; Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	500
2	Alphachymotrypsin choay	Alphachymotrypsin	21 microkatal	Uống; Viên nén; Hộp 2 vỉ x 15 viên	Viên	940
3	Stadovas 5mg	Amlodipin 5mg	5mg	Uống Viên nang cứng Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	60
4	Amoxicillin 500mg	Amoxicillin	500 mg	Uống; Viên nang cứng; Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	900
5	Bar	Bìm Bìm Atisô Rau đắng đất	75mg 100mg 75mg	Uống; Viên nén bao đường; Hộp 1 lọ 60 viên	Lọ	10
6	Bisolvon 8mg	Bromhexine hydrochloride	8 mg	Uống; Viên nén; Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	90
7	Calcium Stella 500 mg	Calci lactat gluconat + calcium carbonat	2940mg + 300mg	Uống; Viên nén sủi bọt; Hộp/1 tuýp x 20 viên	Viên	120
8	Carbovic	Than hoạt thảo mộc	100mg	Uống; Viên nhai; Hộp 1 lọ x 15 viên nhai	Viên	30
9	Cataflam 25mg	Diclofenac kali	25mg	Uống; Viên nén bao đường Hộp 1 vỉ x 10 viên	Viên	100

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Đường dùng, Dạng bào chế, Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
10	Cefuroxime 500mg	Cefuroxim	500mg	Uống; Viên nén bao phim; Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	800
11	Cefixim 200mg	Cefixim	200mg	Uống; Viên nang; Hộp 2 vỉ x 10 viên	Viên	500
12	Dầu Mùi U	Dầu Mùi U + Mỡ trăn + Vitamin E	89,7% + 9,7% + 0,6%	Dùng bôi ngoài da Hộp 1 lọ 15ml	Lọ	80
13	Dầu Phật Linh Trường Sơn	Tinh dầu bạc hà 55ml, Menthol 20g, Tinh dầu đinh hương 3ml, Long não 2g, Khuyneh diệp 2ml	5ml	Dung dịch; Dùng ngoài da; Hộp 10 chai 5 ml	Chai	120
14	Diclofenac 75	Diclofenac natri	75mg	Uống; Viên nén bao phim tan trong ruột; Hộp 10 vỉ x 10 viên	viên	300
15	Efferagal 500mg	Paracetamol	500mg	Uống; Viên nén sủi bọt; Hộp 4 vỉ x 4 viên	Viên	448
16	Enterogermina	Bào tử kháng đa kháng sinh Bacillus clausii	2 tỷ bào tử/ 5ml	Uống; Hỗn dịch uống; Hộp 02 vỉ x 10 ống x 05ml	Ống	180
17	Eugica candy	Tinh dầu bạc hà Tinh dầu bạch đàn Tinh dầu tần Tinh dầu gừng Tinh dầu quế	7 mg 0,6 mg 0,5 mg 0,6 mg 1 mg	Viên ngậm Hộp 100 Viên	Viên	300

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Đường dùng, Dạng bào chế, Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
18	Ginkgo biloba 40mg	Cao Ginkgo biloba	40mg	Uống; Viên bao phim; Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	300
19	Enat	Vitamin E	400IU	Uống; Viên nang mềm; Hộp 03 vỉ x 10 viên	Viên	300
20	Loperamid 2mg	Loperamid HCl	2 mg	Uống; Viên nang; Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	200
21	Medrol 4mg	Methylprednisolone	4mg	Uống; Viên nén; Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	180
22	Motilium M	Domperidon	10 mg	Uống; Viên nén; Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	500
23	Natri clorid 0,9%	Natri clorid	0,9%; 10ml	Nhỏ mắt; Dung dịch nhỏ mắt, mũi; Hộp 20 lọ 10ml	Chai	20
24	Nexium Mups	Esomeprazol (dưới dạng Esomeprazol magie trihydrat)	40mg	Uống; Viên nén kháng dịch dạ dày; Hộp 2 vỉ x 7 viên	Viên	70
25	Oracortia	Triamcinolon acetonid	0,1 g	Thuốc dùng ngoài; Thuốc mỡ; Hộp 50 túi nhôm x 1 g	Hộp	1
26	Ovac 20mg	Omeprazol 20mg	40mg	Uống; Viên nén bao phim tan trong ruột; Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	392
27	Panadol Extra 500mg	Paracetamol + Caffeine	500mg + 65mg	Uống; Viên nén; Hộp 15 vỉ x 12 viên	Viên	3.240

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Đường dùng, Dạng bào chế, Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
28	Phosphalugel	Aluminium phosphate 20% gel	12,38g/gói 20g	Uống; Hỗn dịch uống; Hộp 26 gói x 20g	Gói	286
29	Plusssz Gold Max Multivitamin Hương Cam	Vitamin C 60mg, Vitamin B3 18mg, Vitamin E 10mg, Vitamin B5 6mg, Zinc 2.5mg, Vitamin B6 2mg, Vitamin B2 1.6mg, Vitamin B1 1.4mg, Folic acid 0.2mg, Biotin 150mcg, Selenium 15mcg, Vitamin D3 2.5mcg, Vitamin B12 1mcg		Uống; Viên nén sủi bọt; Hộp/1 tuýp x 20 viên	Tuýp	62
30	Prednison 5mg	Prednison	5mg	Uống; Viên nén; Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	800
31	Pymeferon B9	Sắt sulfat ; Acid Folic	50mg; 350mcg	Uống; Viên nang cứng; H/10 vỉ/10 viên	Viên	500
32	Pharmaton	magnesi, Vitamin C, Nhân Sâm, Kẽm, Sắt, Vitamin E, Niacin, Vitamin B5, Mangan, Vitamin B6, Vitamin B1, Đồng, Vitamin B2, Vitamin A, Folic Acid, Selen, Biotin, Vitamin D3, Vitamin B12		Uống; Viên nén; Hộp 1 lọ 30 viên	Lọ	5

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Đường dùng, Dạng bào chế, Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
33	Salonpas	DL-camphor Methyl salicylate L-menthol Tocopheryl acetate	1.24% 6.29% 5.71% 2%	Miếng dán; Hộp 2 gói x 10 miếng	Hộp	30
34	Scanneuron	Thiamin nitrat (vitamin B1) + Pyridoxin HCL (vitamin B6) + Cyanocobalamin (vitamin B12)	100mg 200mg 200mcg	Uống; Viên nén bao phim; Hộp 10 vỉ x 10 viên	viên	500
35	Smecta	Diosmectit	3g	Uống; Bột pha hỗn dịch uống; Hộp 30 gói (mỗi gói 3.76g)	Gói	30
36	Strepsil Original / Cool / Orange	Dichlorobenzyl alcohol Amylmetacresol	1.2mg 0.6mg	Viên ngậm; Hộp 50 Gói x 2 Viên	Hộp	13
37	Stugeron	Cinnarizine	25mg	Uống; Viên nén; Hộp 25 vỉ x 10 viên nén	Viên	270
38	Spacmarizine	Alverin	40mg	Uống; Viên nén; Hộp 20 vỉ x 15 viên	Viên	300
39	Tanganil 500mg	Acetylleucin	500mg	Uống; Viên nén; Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	150
40	Cetirizin 10mg	Cetirizin	10mg	Uống; Viên nén bao phim; Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	300
41	Terpin codein	Terpin hydrat + Codein	100mg + 10mg	Uống; Viên nén; Hộp 8 vỉ x 10 viên	Viên	300
42	Tiffy	Paracetamol + Chlorpheniramin maleat + Phenylephrin HCl	500mg + 2mg + 10mg	Uống; Viên nén; Hộp 25 vỉ x 4 viên	Viên	400

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Đường dùng, Dạng bào chế, Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
43	Tragutan	Eucalyptol Tinh dầu tần Tinh dầu gừng	100mg 0,18mg 0,5mg	Uống; Viên nang mềm; Hộp/10vi x 10 viên	Viên	600
44	Vitamin C 500mg	Ascorbic Acid	500mg	Uống; Viên nén bao phim; Hộp 10 vi x 10 viên	Viên	550
45	Vitamin PP 500mg	Nicotinamid	500mg	Uống; Viên nén bao phim; Hộp 10 vi x 10 viên	Viên	200
46	Probio	Lactobacillus acidophilus (dạng bột đông khô)	$\geq 10^8$ vi sinh sống	Bột Hộp 14 gói x 1g	Hộp	12
47	Cồn 90 độ 60ml	Ethanol	90%	Chai 60ml	Chai	20
48	Oxy Già 60ml	Hydrogen peroxide	3%	Chai 60ml	Chai	130
49	Povidin 10% 20ml	Povidon iodin	10%	Chai 20ml	Chai	150
50	Gạc y tế 5cm x 6.5cm			Gói 10 miếng	Gói	55
51	Gạc Vaseline			Hộp 10 miếng	Hộp	20
52	Bông y tế 25gr	100% bông tự nhiên		Gói 25gr	Gói	120
53	Que gòn			Gói 20 que	Gói	20
54	Băng Cuộn y tế 0,07m x 2,5m			Bịch 50 cuộn	Bịch	4
55	Tăm bông			Bịch 10 gói	Bịch	10
56	Urgosyval 1,25Cm X 5Cm			Cuộn	Cuộn	33
57	Urgo Durable 2X6Cm			Hộp 102 miếng	Hộp	32

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Đường dùng, Dạng bào chế, Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
58	Băng Thun 3 móc			Cuộn	Cuộn	18
59	Khẩu trang y tế			Hộp 50 cái	Hộp	11
60	Găng tay y tế có bột Vglove			Hộp 100 chiếc	Hộp	5
61	Que thử đường huyết Vivacheck			Hộp 50 que	Hộp	2
62	Alcohol pads			Hộp 100 miếng	Hộp	5